TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20 /2026/DS-ST Ngày: 12 - 03 - 2026 V/v Tranh chấp Hợp đồng hợp tác	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hương Giang; Bà Nguyễn Thùy Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST-DS ngày 10/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18a/2026/QĐST-DS ngày 28/01/2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 09/TB-DS ngày 09/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Minh H, sinh năm 1950; Địa chỉ: số nhà 15, ngõ 221, đường Trung K, phường Yên H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần M; Địa chỉ: Khu Công nghiệp T, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (nay là Khu Công nghiệp T, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị). Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Tuấn N - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ: 334 Lý Thường K, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt (không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Minh H trình bày:*

Ngày 07/6/2022 ông Dương Minh H và Công ty Cổ phần M ký hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số HĐ: 1172022/2022/HTKD theo đó ông Dương Minh H góp vốn 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng),* thời hạn 24 tháng (từ ngày 07/6/2022 đến ngày 07/6/2024); Về hình thức phân chia lợi nhuận Công ty Cổ phần M (bên A) chi trả số tiền gốc cho ông Dương Minh H (bên B) theo chu kỳ 6 tháng/ lần (tương ứng 25% giá trị hợp đồng) là 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng),* bên B được chia lợi nhuận với mức ấn định nhận hàng tháng 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng),* nếu chi trả vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì việc chi trả sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Thực hiện hợp đồng ông Dương Minh H đã chuyển toàn bộ số tiền góp vốn 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* vào tài khoản của Công ty Cổ phần M ngày 07/6/2022, có Phiếu thu số 035 Quyển số NT04. Phía Công ty Cổ phần M kể từ ngày nhận số tiền góp vốn không phân chia bất kỳ khoản lợi nhuận nào cũng không trả số tiền góp vốn cho ông Dương Minh H như thỏa thuận tại hợp đồng. Mặt khác, phía Công ty Cổ phần M không có bất kỳ giải trình hay cuộc họp thông báo kết quả hợp tác kinh doanh.

Do Công ty Cổ phần M vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của ông Dương Minh H nên ông Dương Minh H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Cổ phần M hoàn trả số tiền góp vốn 100.000.000 đồng, thanh toán tiền lợi nhuận theo hợp đồng từ ngày 07/6/2022 đến ngày 10/3/2026 (45 tháng 03 ngày) số tiền 262.750.000 đồng (trong đó lợi nhuận cố định 45 tháng 3 ngày x 2.500.000 = 112.750.000 đồng, lợi nhuận định kỳ 6 kỳ x 25.000.000 đồng = 150.000.000 đồng), lãi chậm trả tổng tiền góp vốn + lợi nhuận 362.750.000 đồng x 10% x 3,758 năm = 136.300.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty Cổ phần M phải thanh toán là 499.000.000 đồng.

** Về phía bị đơn Công ty Cổ phần M (đại diện theo pháp luật ông Mai Tuấn N):* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định, phía Công ty Cổ phần M đã nhận được. Tuy nhiên, đại diện phía Công ty Cổ phần M không có mặt để làm việc cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Theo Công văn số 3442/QTR-QLDN1 ngày 30/12/2025 của Cục Thuế tỉnh Quảng Trị; Công văn ngày 31/12/2025 của công an phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính cung cấp thì hiện tại Công ty Cổ phần M vẫn đang hoạt động, có địa chỉ tại Khu Công nghiệp

T, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị, người đại diện theo pháp luật là ông Mai Tuấn N Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết tại địa phương theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty để giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến nguyên đơn: Yêu cầu buộc Công ty Cổ phần M phải thanh toán tiền góp vốn, tiền lợi nhuận, tiền lãi chậm trả tổng số tiền 499.000.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng).* Bổ sung yêu cầu buộc Công ty Cổ phần M thanh toán tiền tổn thất tinh thần, tiền đi lại, tiền tư vấn pháp luật số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Quảng Trị:*

- Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết: Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng hợp tác quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định. Công ty Cổ phần M có trụ sở tại phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký toà án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng**:** Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải gánh chịu hậu quả pháp lý do việc không cung cấp đầy đủ chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 385, Điều 504, Điều 512, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần M phải thanh toán cho ông Dương Minh H tổng số tiền 172.149.315 đồng, trong đó tiền góp vốn 100.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 32.149.315 đồng. Không chấp nhận yêu cầu

bổ sung của ông H tại phiên tòa do vượt quá phạm vi khởi kiện. Công ty Cổ phần M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Dương Minh Hào khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Mai Thanh Group trả nợ tiền phát sinh từ việc góp vốn kinh doanh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng hợp tác", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty Cổ phần M có trụ sở tại phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vụ án đã hoãn 01 lần vào ngày 28/01/2026. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M trả số tiền góp vốn 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số HĐ: 1172022/2022/HTKD ngày 07/6/2022 ký giữa Công ty Cổ phần M và ông Dương Minh H thì các bên thỏa thuận về việc góp vốn hợp tác kinh doanh các lĩnh vực "khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, đầu tư xây dựng Cảng thủy nội địa Mai Thanh - Quảng Bình, đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất vôi công nghiệp Mai Thanh", số tiền ông Dương Minh H góp vốn là 100.000.000 đồng, thời hạn đầu tư 24 tháng từ ngày 07/6/2022 đến ngày 07/6/2024, lợi nhuận ấn định hàng tháng là 2.500.000 đồng/tháng, chi trả số tiền gốc theo chu kỳ 6 tháng/lần (tương đương 25% giá trị hợp đồng) là 25.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, ông Dương Minh H chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần M số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 07/6/2022, nội dung ghi rõ "Dương Minh H chuyển tiền đầu tư cho Mai Thanh group" và ngày

07/6/2022 Công ty Cổ phần M có phiếu thu số 035, quyển số NT04. Việc hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần M với ông Dương Minh H được lập thành văn bản phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 504 Bộ luật dân sự về Hợp đồng hợp tác kinh doanh nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch. Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay Công ty Cổ phần M không thực hiện việc trả tiền góp vốn và phân chia lợi nhuận cho ông Dương Minh H. Căn cứ thỏa thuận tại Điều 4 (số tiền góp vốn 100.000.000 đồng), Điều 7 (Trong mọi trường hợp Bên A cam kết bảo toàn số vốn mà bên B đã góp), Điều 8 (đến hạn kết thúc hợp đồng bên A phải thanh toán đủ gốc và lợi nhuận đã ghi trong hợp đồng) của Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số HĐ: 1172022/2022/HTKD ngày 07/6/2022 thì Công ty Cổ phần M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự. Do đó, ông Dương Minh H yêu cầu Công ty Cổ phần M trả lại tiền góp vốn 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)* là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lợi nhuận, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số HĐ: 1172022/2022/HTKD ngày 07/6/2022 tại Điều 4 ghi "thời hạn đầu tư 24 tháng từ ngày 07/6/2022 đến ngày 07/6/2024". Tại Điều 5 "hình thức phân chia lợi nhuận với mức ấn định hàng tháng là 2.500.000 đồng/tháng". Quá trình thực hiện hợp đồng và sau khi hết hạn hợp đồng giữa Công ty Cổ phần M với ông Dương Minh H không có biên bản gia hạn hợp đồng, hợp đồng cũng không có điều khoản tiếp tục hiệu lực đến khi hoàn tất thanh toán, ông Dương Minh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh sau khi hết hạn hợp đồng hai bên có thỏa thuận gia hạn hay tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trong khi đó tại Điều 9.2 của hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh quy định "Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn đầu tư Bên A (Công ty Cổ phần M) có quyền thanh lý hợp đồng, nếu Bên B (ông Dương Minh H) tiếp tục đầu tư thì sẽ ký hợp đồng mới với giá trị hợp đồng do bên B tự định đoạt". Do đó không có cơ sở chấp nhận số tiền lợi nhuận tính từ ngày 07/6/2022 đến ngày 10/3/2026 mà chỉ chấp nhận thời gian hợp đồng có hiệu lực từ ngày 07/6/2022 đến ngày 07/6/2024 là 24 tháng. Tuy nhiên, đối với số tiền lợi nhuận các bên thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng là 2.500.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng = 2,5%/tháng = 30%/năm trong khi đó Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi tối đa 20%/năm nên phần vượt quá sẽ không được chấp nhận. Vì vậy, hội đồng xét xử chấp nhận lợi nhuận 20%/năm của 100.000.000 đồng = 20.000.000/năm x 02 năm = 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*.

* Về yêu cầu thanh toán tiền lợi nhuận định kỳ 6 kỳ x 25.000.000 đồng số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, xét thấy: Theo Điều 5

hợp đồng thì "bên A chi trả số tiền gốc cho bên B theo chu kỳ 6 tháng/lần (tương đướng 25% giá trị hợp đồng) là 25.000.000 đồng" đây là nội thỏa thuận chi trả số tiền gốc góp vốn chứ không phải chia lợi nhuận theo kỳ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông Dương Minh H. Tuy nhiên, do đến hạn trả tiền nhưng Công ty Cổ phần M không thanh toán tiền gốc nên phải chịu tiền lãi chậm trả.

2.3. Về yêu cầu thanh toán lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ khi vi phạm nghĩa vụ đến nay Công ty Cổ phần M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ông Dương Minh H yêu cầu tính lãi chậm trả với số tiền 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên số tiền lãi buộc Công ty Cổ phần M trả cho ông Dương Minh H căn cứ theo hợp đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng có thời hạn 24 tháng từ ngày 07/6/2022 đến ngày 07/6/2024, đối với số tiền gốc góp vốn theo hợp đồng 100.000.000 đồng trả 06 tháng/lần, mỗi lần 25.000.000 đồng (chia làm 4 lần) số tiền lãi được tính:

Lần 1 từ 08/12/2022 đến 12/3/2026 số tiền 25.000.000 đồng x 10% x 1.190/365 ngày = 8.150.685 đồng.

Lần 2 từ 08/6/2023 đến 12/3/2026 số tiền 25.000.000 đồng x 10% x 1.008/365 ngày = 6.904.110 đồng.

Lần 3 từ 08/12/2023 đến 12/3/2026 số tiền 25.000.000 đồng x 10% x 825/365 ngày = 5.650.685 đồng.

Lần 4 từ 08/6/2024 đến 12/3/2026 số tiền 25.000.000 đồng x 10% x 642/365 ngày = 4.397.260 đồng.

- Tiền lợi nhuận 40.000.000 đồng, hợp đồng hết hạn ngày 07/6/2024 đến ngày 12/3/2026 là 643 ngày số tiền lãi là 40.000.000 đồng x 10% x 643/365 ngày = 7.046.575 đồng

Tổng tiền lãi chậm trả buộc Công ty Cổ phần M phải thanh toán cho ông Dương Minh H là 32.149.315 đồng *(Ba mươi hai triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).*

2.4. Về yêu cầu bổ sung của ông Dương Minh H tại phiên tòa buộc Công ty Cổ phần M thanh toán tiền tổn thất tinh thần, tiền đi lại, tiền tư vấn pháp luật số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng),* Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của pháp luật đương sự có quyền bổ sung yêu cầu nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Đối với các yêu cầu bổ sung của ông H tại phiên tòa không phát sinh từ nghĩa vụ hợp đồng, là các yêu cầu mới nên vượt quá

phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét các yêu cầu bổ sung của ông H trong vụ án này.

3. Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh H nên bị đơn Công ty Cổ phần M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn ông Dương Minh H không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng ông H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 385, Điều 504, Điều 512, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh H. Buộc Công ty Cổ phần M phải trả cho ông Dương Minh H số tiền 172.149.315 đồng *(Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng),* trong đó tiền vốn góp 100.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 32.149.315 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.607.465 đồng *(Tám triệu, sáu trăm linh bảy nghìn, bốn trăm sáu lăm đồng)*.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Dương Minh H.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/3/2026). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Hoàng Thị Thu